

Bản án số: 64/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/3/2019

Về việc “*Tranh chấp xin ly hôn
và chia tài sản khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Phú.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Thành.**

2. Bà **Trần Kim Chi.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Văn Quân** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 04 năm 2018 về việc “Xin ly hôn và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Kim T**, sinh năm 1972;

Cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1973;

Cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Quỹ tín dụng nhân dân V;

Địa chỉ: Khu phố *, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo pháp luật: Ông **Đặng Văn S** - Chủ tịch Hội đồng quản trị (Theo Quyết định số 43/QĐ-TGI ngày 27/3/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Tiền Giang về việc chuẩn y các chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc QTDND V nhiệm kỳ 2015 – 2020).

2. Ngân hàng C;

Trụ sở chính: phố L, phường H1, quận H2, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T** – Tổng Giám đốc (Theo Quyết định số 1888/QĐ-TTg ngày 01/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc

bổ nhiệm lại ông Dương Quyết T giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Ngân hàng C);

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh Đ – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Gò Công Tây (Theo Quyết định số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Ngân hàng C về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án).

(Chị T, anh T và ông Đ có mặt; ông S xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn ngày 04/4/2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Kim T trình bày:*

Chị và anh T bắt đầu sống chung từ năm 1993, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị, hôn nhân do quen biết. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, được khoảng 07 đến 08 năm thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T nhậu nhẹt thường xuyên, xúc phạm chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh T vẫn không thay đổi, nên đến năm 2016 chị bỏ nhà đi làm xa và đã sống ly thân với anh T từ năm 2017 đến nay. Do mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Kim T1, sinh ngày 06/12/1994 và Nguyễn Kim T2, sinh ngày 15/02/1996. Hiện hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung:

- Thừa đất số 538, tờ bản đồ số 18, diện tích 369,3 m², loại đất lúa, tọa lạc tại ấp Thạnh An, xã Thạnh Trị, do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05643 ngày 20/7/2009 cho ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Kim T.

- Thừa đất số 180, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.511,9 m², loại đất lúa, tọa lạc tại ấp Thạnh Hòa Đông, xã Thạnh Trị, do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05642 ngày 20/7/2009 cho ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Kim T.

- Thừa đất số 697, tờ bản đồ số 3, diện tích 450,1 m², loại đất lúa, tọa lạc tại ấp Thạnh Hòa Đông, xã Thạnh Trị, do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00333 ngày 13/11/2006 cho ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Kim T.

- 01 ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 697, tờ bản đồ số 3.

Chị T yêu cầu đòi chia tài sản chung của vợ chồng và xin nhận ½ bằng giá trị, giao cho anh T bằng hiện vật.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng C số tiền vốn gốc 52.560.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng và nợ Quỹ tín dụng nhân dân V số tiền 80.000.000 đồng chị yêu cầu chia đôi số nợ này với anh T.

Tại phiên tòa, chị T trình bày:

Về tình cảm, vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về tài sản chung, giữa chị và anh T đã tự thỏa thuận được nên chị rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Về nợ chung đối với Quỹ tín dụng nhân dân V và nợ Ngân hàng C đều đã trả xong nên không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:*

Anh T thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, chung sống do quen biết trước và giữa vợ chồng có đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ năm 2015, nguyên nhân do chị T nhận nuôi của công ty 03 con bò để chia lãi. Anh T không đồng ý vì nuôi bò cực khổ, anh vừa phải cắt cỏ nuôi bò vừa phải đi làm hồ nhưng chị T vẫn nuôi. Ngoài ra, còn nhiều chủ nợ đến đòi nợ dẫn đến vợ chồng cự cãi nên chị T bỏ nhà đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chị T còn về thăm nhà, từ tháng 9 năm 2017 thì không về nữa và vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Với yêu cầu ly hôn của chị T anh không đồng ý do anh còn tình cảm với chị T và nếu ly hôn thì các con sẽ buồn khổ.

Về con chung: Thống nhất có 02 con chung như chị T trình bày. Hiện các con đã trưởng thành nên không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Thống nhất vợ chồng có các tài sản như chị T trình bày. Tuy nhiên, thửa đất số 180 đã chuyển nhượng một phần, hiện chỉ còn lại diện tích 311,9m². Đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị T, anh T không đồng ý. Anh T đề nghị tất cả tài sản chung của vợ chồng không chia mà để anh quản lý, khi tuổi già anh sẽ giao lại cho con.

Về nợ chung:

Nợ Quỹ tín dụng nhân dân V số tiền 80.000.000 đồng đã trả xong.

Nợ Ngân hàng C số tiền như chị T trình bày. Tuy nhiên, anh đề nghị riêng chị T phải trả hết số nợ chung đối với ngân hàng vì số tiền này vay để cho các con đi học; nay các con đã ra trường làm có tiền nhưng chỉ đưa tiền cho chị T. Bên cạnh đó, trong thời gian chị T bỏ nhà đi thì anh đã trả các phần nợ chung khác của vợ chồng với số tiền hơn 70.000.000 đồng nhưng anh không yêu cầu xem xét số tiền đã trả nợ này.

Tại phiên tòa, anh T trình bày:

Về tình cảm, anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về tài sản chung, anh T thống nhất tài sản chung của vợ chồng giữa anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ đối với Ngân hàng C đã trả xong.

** Tại đơn khởi kiện ngày 28/5/2018 của Ngân hàng C trình bày:*

Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Gò Công Tây có cho chị Trần Kim T vay các khoản vay như sau:

Ngày 25/12/2012, số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 0,65%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 12/9/2017.

Ngày 25/10/2013, số tiền 11.000.000 đồng, lãi suất 0,65%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 12/9/2018.

Ngày 25/9/2014, số tiền 11.000.000 đồng, lãi suất 0,60%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 12/9/2019.

Ngày 12/9/2014, số tiền 11.000.000 đồng, lãi suất 0,60%/tháng, hạn trả nợ

cuối cùng ngày 12/9/2019.

Ngày 12/10/2015, số tiền 11.000.000 đồng, lãi suất 0,55%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 12/9/2020.

Tổng tiền vay vốn gốc là 54.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị T đã trả được một phần nợ, đến ngày 28/5/2018 chị T còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc 52.560.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị T và anh T cùng có trách nhiệm trả nợ.

Tại phiên tòa, ông Phạm Thanh Đ xác định đến ngày xét xử thì chị Trần Kim T đã trả xong nợ, nên Ngân hàng C rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chị Trần Kim T và anh Nguyễn Thanh T cùng có nghĩa vụ trả nợ vay.

** Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân V là ông Đặng Văn S vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại giấy xác nhận đã thanh toán nợ tiền vay ngày 23/5/2018 ông S trình bày:*

Ngày 27/7/2017, anh Nguyễn Thanh T và chị Trần Kim T có vay của Quỹ tín dụng nhân dân V số tiền 80.000.000 đồng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 27/3/2019. Đến ngày 09/5/2018 anh T, chị T đã thanh toán xong nợ vốn vay 80.000.000 đồng và lãi theo hợp đồng nên Quỹ tín dụng nhân dân V không có yêu cầu gì.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Tại phiên Tòa, chị T và anh T thống nhất thuận tình ly hôn nên đề nghị công nhận. Chị T rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng; Ngân hàng C rút toàn bộ yêu cầu độc lập về việc yêu cầu anh T, chị T cùng có nghĩa vụ trả nợ nên đề nghị đình chỉ giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Xin ly hôn và chia tài sản khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân V là ông Đặng Văn S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét việc vắng mặt của ông S không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông S là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị T yêu cầu được ly hôn với anh T: Thấy rằng, chị T và anh T chung sống được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 03/4/1995 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống,

giữa chị T và anh T xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Chị T trình bày nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh T nhậu nhẹt thường xuyên, xúc phạm chị nhiều lần và đuổi chị ra khỏi nhà. Phía anh T thì cho rằng do vợ chồng bất đồng trong việc làm kinh tế gia đình và nợ nần nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Chị T, anh T đều thừa nhận là do mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân và không còn sống chung từ năm 2017 đến nay.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.”

2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau ...”.

Thấy rằng, giữa chị T và anh T một thời gian dài đã không còn chung sống, không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa, anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, do vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Chị T và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Kim T1, sinh ngày 06/12/1994 và Nguyễn Kim T2, sinh ngày 15/02/1996. Hiện các con chung đã trưởng thành. Chị T, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2018 và quá trình giải quyết vụ án, chị T đã yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là các thửa đất số 538, tờ bản đồ số 18; thửa đất số 180, tờ bản đồ số 18; thửa đất số 697, tờ bản đồ số 3 và 01 ngôi nhà. Nhưng tại phiên tòa, chị T rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Trần Kim T về chia tài sản chung của vợ chồng; nếu sau này chị T khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Chị T không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[6] Về nợ chung:

Tại đơn khởi kiện độc lập ngày 28/5/2018, Ngân hàng C yêu cầu anh Nguyễn Thanh T và chị Trần Kim T cùng có nghĩa vụ trả vốn gốc 52.560.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng. Tại phiên tòa, ông Phạm Thanh Đ xác định là chị T đã trả xong nợ nên rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chị T và anh T cùng có nghĩa vụ trả nợ vay. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng C; nếu sau này ngân hàng khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Ngân hàng C không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Đối với số tiền nợ Quỹ tín dụng nhân dân V 80.000.000 đồng và lãi phát sinh, đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng là ông Đặng Văn S xác định vào ngày 09/5/2018 anh T, chị T đã thanh toán xong số nợ vốn vay và lãi. Quỹ tín

dụng nhân dân V không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[7] Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Kim T. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Kim T và anh Nguyễn Thanh T.

2. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị T đối với:

- Thửa đất số 538, tờ bản đồ số 18, diện tích 369,3 m², loại đất lúa, tọa lạc tại ấp Thanh An, xã Thanh Trị, do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05643 ngày 20/7/2009 cho ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Kim T.

- Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.511,9 m², loại đất lúa, tọa lạc tại ấp Thanh Hòa Đông, xã Thanh Trị, do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05642 ngày 20/7/2009 cho ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Kim T.

- Thửa đất số 697, tờ bản đồ số 3, diện tích 450,1 m², loại đất lúa, tọa lạc tại ấp Thanh Hòa Đông, xã Thanh Trị, do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00333 ngày 13/11/2006 cho ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Kim T.

- 01 ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất số 697, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp Thanh An, xã Thanh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng C về việc yêu cầu chị Trần Kim T và anh Nguyễn Thanh T trả số tiền vốn gốc 52.560.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng.

4. Về án phí: Chị Trần Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.115.600 đồng theo biên lai thu số 39326 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị T được hoàn lại số tiền 2.815.600 đồng.

Anh Nguyễn Thanh T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T, anh T và Ngân hàng C được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu

xét xử phúc thẩm. Đối với Quý tín dụng nhân dân V vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Phú